NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG
PSI DAILY REPORT

TỔNG HỢP: MUA MẠNH

Đường trung bình:	MUA MẠNH	Mua **(10)**	Bán**(2)**
Chỉ số kỹ thuật:	MUA MẠNH	Mua **(6)**	Bán **(2)**

* Dữ liệu được tính toán tự động theo thời gian thực

20/11/2025	HSX	HNX	UPCOM
Chỉ số Index	1,655.99	264.23	119.58
Tăng/ giảm điểm	▲ 6.99	▼ -0.80	▼ -0.06
KLGD (triệu CP)	681	56	25
GTGD (tỷ VNĐ)	19,675.2	1,158.9	417.9
Khối ngoại (tỷ VNĐ)	293.5	-3.6	-45.8

ĐỘ RỘNG SÀN HSX

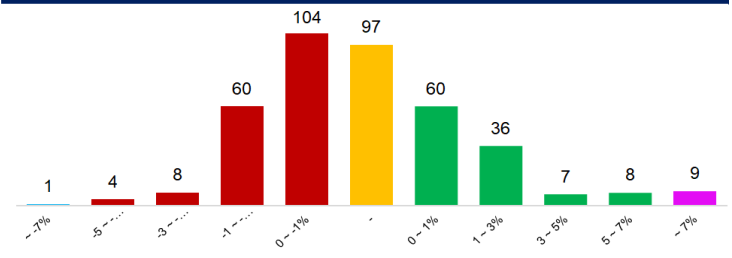

HIỆU SUẤT CÁC NHÓM NGÀNH 20/11

Ngành	Tăng/Giảm %	Đóng góp Index
Bất động sản	1.96%	7.63
Du lịch và Giải trí	2.09%	1.54
Công nghệ Thông tin	0.92%	0.38
Hàng & Dịch vụ Công nghiệ	0.35%	0.21
Bảo hiểm	1.37%	0.17
Hóa chất	0.03%	0.01
Y tế	0.07%	0.01
Truyền thông	0.09%	-
Ô tô và phụ tùng	-0.89%	- 0.07
Ngân hàng	-0.02%	- 0.11
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.88%	- 0.11
Điện, nước & xăng dầu khí c	-0.18%	- 0.12
Dầu khí	-0.81%	- 0.26
Thực phẩm và đồ uống	-0.32%	- 0.31
Dịch vụ tài chính	-0.36%	- 0.31
Xây dựng và Vật liệu	-1.05%	- 0.36
Bán lẻ	-1.71%	- 0.63
Tài nguyên Cơ bản	-1.20%	- 0.68

BIỂU ĐỒ KỸ THUẬT

***Hỗ trợ gần nhất**: 1,570 - 1,575 điểm
****Kháng cự gần nhất:** 1,605 - 1,610 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NGÀY

VN-Index cải thiện nhẹ với cây nến tăng thân nhỏ và hai bóng cân bằng, phản ánh sự giằng co nhưng bên mua chiếm ưu thế cuối phiên. Chỉ số duy trì trên MA20 và MA100, trong khi MA50 vẫn là kháng cự quan trọng ở vùng 1668–1670. Vùng hỗ trợ gần nhất nằm tại 1635–1645 theo VPVR. Dòng tiền hôm nay tuy suy yếu nhưng khối ngoại quay lại mua ròng giúp thị trường ổn định hơn. Tổng thể, xu hướng ngắn hạn đang dần cải thiện nhưng cần thêm dòng tiền xác nhận.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

PSI DAILY REPORT

GIÁ TRỊ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI MUA/BÁN RÒNG (TỶ)

KL MUA	63,317,370
KL BÁN	58,873,712
KL MUA - BÁN	4,443,658
GT MUA	2,377.92 tỷ đồng
GT BÁN	2,133.87 tỷ đồng
GT MUA - BÁN	244.06 tỷ đồng

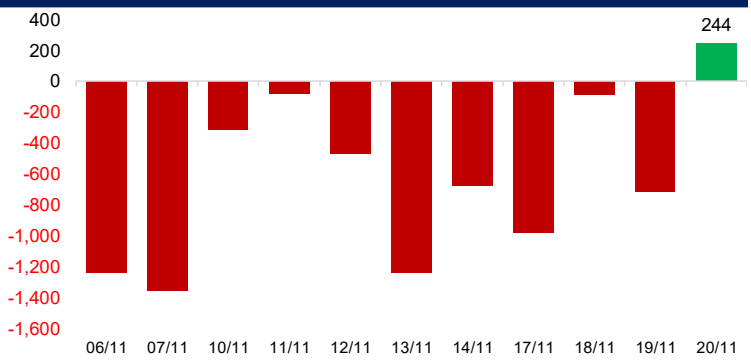

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ CỔ PHIẾU NGẮN HẠN

Mã	Giá mua	Giá cắt lỗ	Giá mục tiêu	%LN	Trạng thái
HPG	26.50	24.70	29.70	2.83%	Nắm giữ
DIG	20.95	19.50	23.50	0.72%	Nắm giữ

CÁC SẢN PHẨM KHÁC CỦA TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

VIỆT NAM TRONG "CƠN LỐC" THUẾ ĐỐI ỨNG 46% >>> Xem tại đây

Báo cáo Chiến lược đầu tư 2025 - Kỷ nguyên vươn mình >>> Xem tại đây

CHIẾN TRANH THƯƠNG MẠI 2.0: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC >>> Xem tại đây

Báo cáo triển vọng giá dầu và cổ phiếu dầu khí 2024 - 2025 >>> Xem tại đây

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH ĐẦU TƯ CÔNG >>> Xem tại đây

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU GIÁ TRỊ

Mã cổ phiếu	Tăng trưởng doanh thu			Tăng trưởng lợi nhuận			KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024	2022	2023	2024					
BID	20%	0%	3%	69%	20%	17%	7,210,938	17.60%	0.91%	11.49	1.89
MBB	37%	7%	6%	37%	16%	9%	29,971,678	21.36%	2.13%	9.26	1.85
CTG	14%	11%	18%	19%	18%	27%	9,397,336	19.97%	1.24%	9.24	1.71
ACB	24%	6%	11%	43%	17%	5%	15,975,150	20.17%	1.96%	8.91	1.73
SHB	13%	10%	10%	54%	-5%	27%	85,528,584	18.34%	1.43%	7.78	1.35
HDB	30%	23%	39%	27%	26%	28%	23,798,999	25.21%	2.02%	8.12	1.87
MSB	34%	10%	11%	14%	1%	19%	19,606,359	13.65%	1.60%	8.90	1.15
STB	43%	29%	11%	48%	53%	31%	12,981,945	20.70%	1.54%	9.40	1.82
PVT	21%	6%	23%	39%	6%	20%	4,132,282	13.86%	5.45%	7.86	1.05
QNS	13%	21%	2%	3%	70%	9%	229,837	21.22%	14.78%	8.26	1.73

DANH MỤC DÀI HẠN - NHÓM CỔ PHIẾU CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã cp	Tỷ suất cổ tức			Nợ vay tài chính /VCSH	KLGD trung bình 3 tháng (cp)	ROE TTM	ROA TTM	P/E TTM	P/B TTM
	2022	2023	2024						
DCM	6%	9%	6%	0.13	3,869,502	14.74%	9.16%	12.55	1.77
DPM	15%	22%	6%	0.31	3,793,607	4.25%	2.87%	33.57	1.43
GAS	5%	6%	10%	0.05	1,049,249	16.96%	12.13%	15.21	2.57
NT2	9%	14%	9%	0.24	1,037,942	6.79%	3.06%	20.81	1.45
SAB	7%	5%	7%	0.02	1,450,977	17.17%	12.56%	15.23	2.61
VNM	7%	7%	7%	0.26	4,733,510	26.63%	15.80%	15.19	3.95
QNS	7%	7%	9%	0.27	354,059	23.35%	16.14%	10.56	1.14
QTP	12%	17%	11%	0.04	557,688	10.71%	7.82%	7.02	1.85
VEA	12%	11%	13%	0.00	72,551	25.66%	24.42%	17.58	1.77
PVI	6%	5%	6%	0.02	3,869,502	10.23%	2.49%	12.55	1.77

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.